

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2018
V/v ly hôn giữa chị T và anh C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên và bà Nguyễn Thị N Trang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký

Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2017/TLST - HNGĐ ngày 25/10/2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:07/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1988(Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Cao C**, sinh năm 1982(Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

Ông **Trần Đức C1**, sinh năm 1959 - Bố đẻ anh C (Vắng mặt).

Bà **Chu Thị H**, sinh năm 1958 - Mẹ đẻ của anh C (Có mặt).

Đều ĐKKHKT tại: Khu A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng N tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Cao C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân thị trấn B đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống với nhau tại gia đình nhà bố mẹ chồng tại khu A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống chung của vợ chồng chị hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu, đến năm thứ hai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C hay đánh đập, chửi bới chị, hai bên gia đình đã khuyên giải Nng anh

C vẫn không thay đổi tính nết. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên khoảng tháng 01 năm 2016 chị đã bế con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện K sinh sống từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh C nữa. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh C không còn, không thể quay lại chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Trần Diệu N, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và Trần Diễm P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2016. Hiện nay con P đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, con N đang do anh C và ông bà nội là ông C1 và bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con P và Nờng con N cho anh C và ông bà nội tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/01/2018 tại Trạm y tế thị trấn B, huyện K, tỉnh Thái Bình thể hiện: Bị đơn anh Trần Cao C bị bệnh tâm thần hàng tháng bà Chu Thị H là mẹ đẻ anh C đi lĩnh thuốc ở trạm y tế thị trấn B về để anh C uống. Hiện nay anh C đang chung sống cùng với bố mẹ đẻ là ông Trần Đức C1, sinh năm 1959 và bà Chu Thị H, sinh năm 1958, vì vậy theo quy định tại Điều 88 BLTTDS Tòa án chỉ định ông C1 và bà H là người đại diện hợp pháp của anh C tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 25/10/2017 của anh Trần Cao C và biên bản lấy lời khai của người đại diện hợp pháp của anh C là bà Chu Thị H và ông Trần Đức C1 cũng N tại phiên tòa hôm nay thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh C chị T sống với nhau tại gia đình nhà ông C1 bà H, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình của anh C và chị T không hợp nhau và hiện nay chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện K để sinh sống từ đầu năm 2016 đến nay không quay lại chung sống cùng anh C nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh C, quan điểm của anh C, ông C1 và bà H là đều đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh C và chị T có hai con chung Trần Diệu N, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và Trần Diễm P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2016. Hiện nay con P đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con N đang do anh C, ông C1 và bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh và bố mẹ anh vì anh cho rằng chị T chỉ làm công nhân thu nhập thấp nên không đủ điều kiện để nuôi con, bà H và ông C1 cũng có nguyện vọng N chị T, vợ chồng bà sẽ hỗ trợ cùng với anh C để nuôi dạy con N trưởng thành còn nếu chị T nuôi con P gặp khó khăn thì ông bà sẵn sàng nuôi cả hai cháu.

Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung nên anh C, bà H và ông C1 cũng không có ý kiến gì về quan hệ tài sản chung.

Anh C hiện đang bị bệnh tâm thần, có sổ tâm thần bà H là người đi đi lĩnh thuốc hàng tháng Nng chị T, ông C1 và bà H không ai yêu cầu Tòa án tuyên bố anh C bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 02 năm 2018, UBND thị trấn B, huyện Kiến cung cấp N sau:

Anh Trần Cao C và chị Vũ Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh C, chị T chung sống với nhau tại gia đình nhà anh C ở khu A, thị trấn B, huyện K được một thời gian. Đến khoảng đầu năm 2016 thì thấy chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ đó đến nay không thấy chị T quay về chung sống cùng anh C nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh C, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng anh C và chị T có hai con chung là Trần Diệu N, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và Trần Diễm P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2016. Hiện nay con P đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con N đang do anh C và ông C1, bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của phía địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía địa phương cũng cung cấp là anh C có bị bệnh tâm thần Nng việc cấp phát thuốc N thế nào là do Trạm y tế quản lý phía địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án N sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trần Cao C. Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T giao con chung Trần Diễm P, sinh ngày 14/01/2016 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần Diễm N, sinh ngày 04/01/2015 cho anh Trần Cao C cùng ông bà Trần Đức C1, Chu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh C và chị T.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Vũ Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Cao C và xin được nuôi một con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị T là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Trần Cao C bị bệnh tâm thần hàng tháng bà Chu Thị H là mẹ đẻ anh C đi lĩnh thuốc ở trạm y tế thị trấn B về để anh C uống. Tòa án đã giải thích cho bà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố anh C bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự Nng họ không yêu cầu. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 88 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ định bà Chu Thị H và ông Trần Đức C1 (là bố mẹ đẻ anh C) là người đại diện hợp pháp của anh C tham gia tố tụng tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND thị trấn B, Trạm y tế thị trấn B, lấy lời khai của bà Chu Thị H và ông Trần Đức C1 để làm rõ tình trạng hôn nhân của anh C và chị T, điều kiện nuôi dưỡng con, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Cao C kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/6/2014 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị T anh C mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh C bị bệnh tâm thần hay đánh đập, chửi bới chị T, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không thể giải quyết được, vì vậy chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A để sinh sống từ đầu năm 2016 đến nay không quay về chung sống cùng anh C nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy C1 chấp nhận xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có hai con chung là Trần Diệu N, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 và Trần Diễm P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2016. Hiện nay con P đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con N đang do anh C và ông C1, bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, ông C1 và bà H đều có nguyện vọng giữ nguyên N hiện tại và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai để tránh làm xáo trộn đến cuộc sống của

các con chung, mặc dù tại phiên tòa hôm nay anh C có nguyện vọng muốn được nuôi cả hai con Nng con P hiện đang ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi nên C1 chấp nhận nguyện vọng của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Trần Cao C

2. Về con chung: Giao con Trần Diễm P, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2016 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần Diệu N, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2015 cho anh Trần Cao C cùng bà Chu Thị H và ông Trần Đức C1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000847 ngày 25/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Vũ Thị T, anh Trần Cao C, bà Chu Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 09 tháng 4 năm 2018. Ông Trần Đức C1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Nhi

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- UBND thị trấn B;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi